058 | 004

日本セーフティー株式会社

外国籍 母国親族連絡票

本紙は、賃貸保証委託申込書と一緒に
日本セーフティーへFAXください。

1） 点線枠内を不動産会社様がご記入ください。*特別永住者および永住者の方は、本紙は不要です。

お申込者様名	物件名・号室

取扱店CD：037990

アサヒ住宅株式会社
賃貸管理部

送信先FAX：011-233-0901

2） お客様に下記①～⑤をご記入いただいてください。

母国親族連絡先

・Family Contact number in the home country ・母国亲属(家族或亲戚)的联络方式 ・모국친족(가족이나 친척)의연락처
・Số điện thoại của người thân trong gia đình tại mẫu quốc ・Número de telefone de familiar para contato no país de origem
・Los datos de contacto de los familiares en su país. ・स्वदेशमा रहनुहुने आफन्तको सम्पर्क नम्बर ・මව් රටේ ඥාතීන්ගේ සම්බන්ධතා තොරතුරු

① お名前・Name・姓名・성명・Họ tên・Nome・Nombre・नाम・නම

② ご住所・Home address・地址・주소・Địa chỉ・Endereço・Dirección・ठेगाना・ලිපිනය

③ 続柄・Relationship with customer・关系・친족관계・Quan hệ thân nhân・Grau de parentesco・Relación・सम्बन्ध・ඥාතී සම්බන්ධතාවය

④ 電話番号・Phone number・电话号码・전화번호・Số điện thoại・N° do telefone・El número de teléfono・फोन नम्बर・දුරකතන අංකය

⑤ 連絡希望時間(日本時間 平日のみ)

・preferred time for call (Japan time zone, weekdays only)
・您希望的联系时间(日本时间 仅限于工作日)
・연락 가능한 시간(일본시간 평일에만)
・Khung giờ liên lạc mong muốn (Theo giờ Nhật vào các ngày trong tuần)
・Horário de contato preferencial (Horário do Japão, somente durante a semana)
・Horario de contacto preferido (Hora de Japón, solo entre semana)
・उपयुक्त सम्पर्क समय (जापान समय हप्ता दिन मात्र)
・දුරකථන ඇමතුම් අපේක්ෂිත කාලය (ජපානයේ වෙලාව, සතියේ දිනවල පමණි)

a. 9 : 00 ～ 12 : 00
b. 12 : 00 ～ 15 : 00
c. 15 : 00 ～ 18 : 00

※ 母国にお住まいのご親族の連絡先をお書きください。申込時や緊急時に連絡する場合がございますので、お間違いないよう記入してください。
※ Please write the contact information of relatives living in your home country.We might contact at the time of application or in an emergency cases, so please fill in the correct information.
※ 请填写住在本国的亲属的联系方式。可能会在申请时或紧急情况时联系，所以请务必正确填写。
※ 모국에 거주하는 가족들의 연락처를 적어주십시오. 신청시 혹은 긴급사항일 경우 연락할 수 있는 정확한 정보를 기입하십시오.
※ Xin hãy cung cấp số điện thoại của người thân đang sinh sống tại Việt Nam. Khi xét duyệt hồ sơ, công ty có thể sẽ gọi điện để kiểm tra thông tin bởi số điện thoại này sẽ được sử dụng để liên lạc trong trường hợp khẩn cấp. Vì vậy vui lòng viết chính xác thông tin.
※ Favor escrever as informações de contato de parentes que vivem em seu país de origem. Podemos entrar em contato no momento da solicitação ou em casos de emergência, portanto, por favor, preencha as informações corretas.
※ Por favor, escriba la información de contacto de los familiares que viven en su país de origen. Podríamos contactar en el momento de la solicitud o en casos de emergencia, así que por favor rellene la información correcta.
※ कृपया तपाईंको आफ्नो देशमा बस्नुहुने कुनै पनि आफन्तको सम्पर्क नम्बर प्रदान गर्नुहोस। हामीले आवेदन उद्देश्य वा आपतकालिन अवस्थामा प्रयोग गर्न सक्ने हुनाले कृपया सही जानकारी भर्नुहोस।
※ ඔබගේ මව් රටේ ජීවත් වන ඥාතීයෙකුගේ තොරතුරු සඳහන් කරන්න. අයදුම් කරන අවස්ථාවේදී හෝ හදිසි අවස්ථාවකදී ඇමතුම් ලබාගැනීමක් සිදු කල හැකි බැවින්, කරුණාකර නිවැරදි තොරතුරු සඳහන් කරන්න.

00001